TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 24/2019/HS-ST Ngày 09-7-2019	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Kho

Bà Đặng Thị Đôi

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền-Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 20/2019/TLST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Thông báo mở lại phiên tòa số 01/TB-TA ngày 02 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Bùi Văn N, sinh ngày 15 tháng 8 năm 1975 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn K 2, xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn P và bà Đặng Thị M; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị P1 và 03 con; tiền án: Tại Bản án số 48 ngày 04 tháng 12 năm 1998, Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 30 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; tại Bản án số 54 ngày 29 tháng 11 năm 2006, Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; tại Bản án số 08 ngày 20 tháng 02 năm 2009, Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 09 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích"; tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 11 ngày 18 tháng 5 năm 1995, Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và 12 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" (đã được xóa án tích); Ngày 01 tháng 02 năm 2002, bị Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng áp dụng biện pháp giáo dục bắt buộc trong thời hạn 24 tháng; ngày 26 tháng 01 năm

2018, bị Công an phường H, quận Đ xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi trộm cắp tài sản (đã được xóa); bị cáo bị tạm giam từ ngày19 tháng 02 năm 2019; có mặt.

- *Bị hại:* Anh Phạm Văn V, sinh năm 1974 và vợ là chị Nguyễn Thị L sinh năm 1977; cùng nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Ông Phạm Văn H1, vắng mặt;

+ Bà Hoàng Thị T, vắng mặt;

+ Bà Phạm Thị S, vắng mặt;

+ Bà Hoàng Thị H2, vắng mặt;

+ Cháu Phạm Trung H3, vắng mặt;

+ Cháu Phạm Việt H4, vắng mặt;

+ Anh Phạm Văn M, vắng mặt;

+ Anh Phạm Văn T1, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng gần 04 giờ 00 phút ngày 17 tháng 02 năm 2019, tại nhà anh Phạm Văn V, sinh năm 1974 ở thôn P, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng. Khi hai con trai anh là cháu Phạm Trung H3 và cháu Phạm Việt H4 đang nằm ngủ ở gian phòng ngủ phía trong của tầng một ngôi nhà thì phát hiện thấy Bùi Văn N đang lục tìm tài sản trong túi quần treo ở trụ chân cầu thang của tầng một. Tiếp sau đó, khi thấy N đi lên cầu thang tầng hai, cháu H3 liền gọi cháu H4 đang nằm ngủ bên cạnh dậy. Hai anh em đi ra đứng chặn ở vị trí cửa ngách và hô "Trộm, trộm, …". Nghe vậy, N chạy từ cầu thang tầng hai xuống, rẽ về phía phòng khách, định mở cửa chính để bỏ trốn nhưng do cửa khóa nên N quay người lại, dùng tay kéo chiếc ghế gỗ xoay ngang để cản không cho cháu H3 lại gần. Cháu H3 và cháu H4 chạy đến bắt giữ N, cả 03 người giằng co, xô đẩy đến cửa phòng khách thì anh V chạy từ phòng ngủ trên tầng hai xuống và cùng tham gia bắt giữ N. Khoảng 02 đến 03 phút thì 03 bố con anh V giữ được N và kéo, đẩy qua cửa ngách ra sân. Anh V cùng các con kéo N đến chiếc cột sắt chống mái che ở sân, rồi bảo vợ là chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1977 lấy dây xích sắt của nhà trói N lại để N không thể gây thương tích cho mọi người và không chạy trốn được. Chị L đi lấy xích rồi ra mở cổng cho hàng xóm vào chứng kiến. Sau khi xích chân của Nhất vào cột sắt, thấy N còn vùng

vằng định thoát ra, anh V dùng chân đạp hai lần vào N. Khi thấy N đã ngồi yên, anh V hỏi N đã trộm cắp được gì thì N không trả lời. Anh V vào trong nhà kiểm tra, phát hiện mất tiền để trong túi quần dài treo ở trụ chân cầu thang nên đi ra sân hỏi N "Tiền đâu". Nhất không nói gì, dùng tay phải lấy trong túi quần bên phải của N ra 1.020.000 đồng để trên mặt sân tại vị trí N ngồi. Lúc này, cháu H3 cũng chạy vào nhà kiểm tra trên giường ngủ, thấy mất 01 điện thoại di động Iphone 6s màu đen xám. Tối ngày 16 tháng 02 năm 2019, H3 mượn của mẹ là chị L để chơi điện tử. H3 nói "Mất điện thoại nữa", N tiếp tục dùng tay phải lấy trong túi quần bên phải của N ra 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6s màu đen xám và để ở trên mặt sân. Gia đình anh V hỏi N là người ở đâu, N dùng tay lấy trong túi quần bên trái ra 01 ví giả da màu đen bên trong có 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên N, 520.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động Nokia. Anh V bảo N gọi điện về gia đình để xác nhận lại lý lịch của N và thông báo cho gia đình biết sự việc N trộm cắp tài sản. Gia đình anh V nhờ mọi người chứng kiến báo Công an xã Đ đến giải quyết. Một lúc sau, em trai của N là anh Bùi Văn P, trú tại thôn K 2, xã H, huyện K đến xin gia đình anh V bỏ qua việc N trộm cắp nhưng anh V không đồng ý. Khi đó có nhiều người đến ăn sáng ở quán nhà anh V nói hùa vào "Đưa 100 triệu thì cho về". Trong gia đình anh V không ai yêu cầu anh P đưa 100 triệu đồng thì sẽ thả N. Đến khoảng gần 06 giờ cùng ngày, không thấy Công an xã Đ đến nên anh V đã gọi điện nhờ người gọi Công an xã Đ đến để giải quyết. Sau đó, Công an xã Đ có mặt, tiếp nhận N cùng vật chứng đưa về Công an xã giải quyết.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại di động Nokia, 01 ví giả da màu đen, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Bùi Văn N, 01 khẩu trang kẻ ca rô và số tiền 520.000 đồng của N. Tài sản của gia đình anh V, chị L bị N trộm cắp gồm 1.020.000 đồng là tiền của anh V; 01 dây xích bằng kim loại dài 1,2 mét; 01 ổ khóa bằng kim loại kích thước 7,5 cm x 4 cm; 01 điện thoại di động Iphone 6s của chị L được Hội đồng định giá tài sản huyện K, kết luận: Có giá trị 2.500.000đồng, đã thu hồi trả lại toàn bộ cho gia đình anh V.

Tại bản cáo trạng số 21/CT-VKSKT ngày 03 tháng 5 năm 2019, Viện Kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố Bùi Văn N về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận: Khoảng gần 04 giờ sáng ngày 17 tháng 02 năm 2019, N trèo qua tường rào vào nhà vợ chồng anh V, chị L ở thôn P, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng với mục đích trộm cắp tài sản. Khi N vào trong nhà đang đi lục tìm tài sản để lấy nhưng chưa lấy được tài sản gì đã bị gia đình anh V phát hiện bắt giữ, giao nộp N cho Công an xã Đ. Bùi Văn N bị tạm giam từ ngày 19 tháng 02 năm 2019.

Tại Cơ quan điều tra, anh V và chị L đều khai: Khoảng 04 giờ sáng ngày 17 tháng 02 năm 2019, khi vợ chồng anh đang ngủ tại phòng ngủ trên tầng hai của gia

đình thì nghe thấy tiếng con trai của anh chị đang ngủ ở phòng ngủ dưới tầng một, gian trong của nhà hô "Trộm, trộm ..." anh liền chạy xuống tầng một của nhà thì thấy hai con trai của anh chị là cháu Phạm Trung H3 và Phạm Việt H4 đang giằng co, xô đẩy với 01 người đàn ông lạ mặt (sau này mới biết tên là Bùi Văn N) trong gian phòng khách tại tầng một của nhà anh. Anh liền cùng các con khống chế, bắt giữ và đưa N ra sân nhà, xích N vào cột chống mái hiên. Sau khi kiểm tra lại tài sản trong nhà, anh V thấy bị mất 1.020.000 đồng của anh để trong túi quần dài treo ở trụ chân cầu thang ở tầng một từ tối hôm trước, cháu H3 thấy mất 01 điện thoại di động Iphone 6s màu đen xám. Điện thoại là của chị L, tối ngày 16 tháng 02 năm 2019, H3 mượn của chị L để chơi điện tử xong để ở đầu giường trong phòng ngủ ở tầng một. Sau khi gia đình anh V tra hỏi N, N lần lượt móc từ trong túi quần ra để ở sân nơi N bị trói. Sau đó, anh V đã gọi điện nhờ người gọi Công an xã Đ đến để giải quyết vụ việc. Ngay sau đó, Công an xã Đ có mặt, tiếp nhận N và vật chứng đưa về Công an xã giải quyết. Gia đình đã nhận lại đầy đủ tài sản gồm: 1.020.000 đồng là tiền của anh V; 01 dây xích bằng kim loại dài 1,2 mét; 01 ổ khóa bằng kim loại kích thước 7,5 cm x 4 cm; 01 điện thoại di động Iphone 6s của chị L và không yêu cầu, đề nghị gì thêm. Anh V xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại Cơ quan điều tra,những người làm chứng là ông H1, bà T và anh M là hàng xóm gần nhà anh V, chị L đều khai: Khoảng gần 04 giờ sáng ngày 17 tháng 02 năm 2019, khi các ông bà đang ở nhà chuẩn bị hàng để bán thì nghe thấy tiếng hô “Trộm, trộm…” ở phía nhà anh V. Vài phút sau, khi các ông bà đến nhà anh V thì thấy N đang bị 03 bố con anh V trói vào cột trong sân nhà anh V. Anh V hỏi N đã trộm cắp tài sản gì thì N không trả lời. Anh V vào trong nhà kiểm tra tài sản thấy bị mất tiền liền ra sân hỏi lại N “Tiền đâu”, N không nói gì, dùng tay lấy trong túi quần bên phải của N ra một số tiền để trên mặt sân tại ví trí N ngồi, anh V không kiểm đến nhưng xác định đó là tiền của anh V bị N lấy trộm. Cùng lúc đó, cháu H3 cũng chạy vào nhà kiểm tra, vài phút sau H3 nói “Mất điện thoại nữa”, N tiếp tục dùng tay lấy trong túi quần bên phải của N ra 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6s màu đen xám và để ở trên mặt sân. Gia đình anh V và mọi người hỏi N là người ở đâu, thì N dùng tay lấy trong túi quần ra 01 điện thoại di động Nokia, 01 ví giả da màu đen bên trong có 520.000 đồng và 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên N có nơi cư trú tại thôn K 2, xã H, huyện K. Sau đó Công an xã đến tiếp nhận sự việc, đưa N cùng vật chứng về Công an xã giải quyết.

Tại Cơ quan điều tra, những người làm chứng (tham gia việc bắt giữ bị cáo N) cháu Phạm Trung H3 và cháu Phạm Việt H4 là con đẻ của anh V, chị L đều khai: Phù hợp với lời khai của bị hại là anh V, chị L và lời khai của những người làm chứng khác trong vụ án.

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 17 tháng 02 năm 2019, của Hội đồng định giá tài sản huyện Kiến Thụy kết luận: 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6s màu đen trị giá 2.500.000 đồng.

Sau quá trình thẩm vấn, đánh giá tính chất của vụ án cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân của bị cáo; Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kiến Thụy trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt và xử lý vật chứng như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bùi Văn N mức án từ 42 tháng đến 48 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

- Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Tài sản của gia đình anh V, chị L, Cơ quan điều tra đã thu hồi, trả lại đầy đủ cho bị hại, nên không đặt ra xem xét.

Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động Nokia, 01 ví giả da màu đen, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Bùi Văn N và số tiền 520.000 đồng của N do không liên quan đến việc phạm tội; đề nghị tạm giữ số tiền 520.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 khẩu trang kẻ ca rô do tại phiên tòa bị cáo khai không phải của bị cáo, không xác định được chủ sở hữu và không còn giá trị sử dụng.

- Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt đã thu hồi, trả lại cho gia đình bị hại. Nay bị hại đều không yêu cầu, đề nghị gì thêmnên không đặt ra trách nhiệm đối với bị cáo.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với hành vi của anh V, cháu H3, cháu H4 bắt giữ, dùng dây xích N vào cột trong sân nhà. Sau đó, bàn giao N cho Công an xã Đ giải quyết theo quy định. Vì vậy, hành vi của anh V, cháu H3, cháu H4 không cấu thành tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" quy định tại Điều 157 của Bộ luật Hình sự; anh V có hành vi dùng chân đạp 02 nhát vào đầu N, do N không bị thương tích và không có yêu cầu, đề nghị gì nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Căn cứ lời khai anh V và những người làm chứng, không có cơ sở để xác định việc anh V có hành vi yêu cầu gia đình N đưa 100 triệu đồng thì sẽ thả N nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Sau khi đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, bị cáo đều thành khẩn khai nhận tội và tỏ ra ăn năn hối cải, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa quanh co, chối tội. Quá trình xét hỏi, đấu tranh kết hợp với việc công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, bị cáo mới nhận tội phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản, lời khai của bị hại, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Khoảng 04 giờ sáng ngày 17 tháng 02 năm 2019, Bùi Văn N thực hiện hành vi trộm cắp tài sản gồm 1.020.000 đồng là tiền của anh V, 01 điện thoại di động Iphone 6scủa chị L có giá trị 2.500.000đồng. Bị cáo đã có 02 tiền án về tội "Trộm cắp tài sản" (chưa được xóa án tích). Lần phạm tội này,tổng tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị 3.520.000 đồng. Tại bản án số 48 ngày 04 tháng 12 năm 1998, Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xử phạt Bùi Văn N 30 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Đến năm 2006, bản án số 48 chưa xóa án tích, bị cáo tiếp tục phạm tội "Trộm cắp tài sản" nên tại bản án số 54 ngày 29 tháng 11 năm 2006, Tòa án nhân dân huyện K căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2005, xác định bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "Tái phạm" và xử phạt bị cáo 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", đến nay chưa xóa án tích. Vì vậy, lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết định khung là "Tái phạm nguy hiểm" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Bùi Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như Viện Kiểm sát đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội.

[4] Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã bị Tòa án xét xử 04 lần, có 03 tiền án chưa xóa án tích. Tiền sự: Ngày 01 tháng 02 năm 2002, bị Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng áp dụng biện pháp giáo dục bắt buộc trong thời hạn 24 tháng theo quyết định số 268; ngày 26 tháng 01 năm 2018, bị Công an phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 03. Vì vậy, cần phải xử phạt nghiêm đối với bị cáo, đồng thời để phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo tuy không thành khẩn khai báo nhưng bị hại là anh Vương xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Sau khi xem xét vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo. Hội đồng xét xử thấy cần tiếp tục cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự, bồi thường thiệt hại: Gia đình bị hại đã nhận lại đầy đủ số tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu, đề nghị gì thêm nên không đặt ra trách nhiệm cho bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng:

- Tài sản bị chiếm đoạt gồm 1.020.000 đồng và 01 điện thoại Iphone 6s đã được thu hồi, trả lại đầy đủ cho gia đình bị hại. Gia đình bị hại không có yêu cầu, đề nghị gì thêm nên không đặt ra trách nhiệm cho bị cáo.

- Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động Nokia, 01 ví giả da màu đen, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Bùi Văn N và số tiền 520.000 đồng nhưng cần tạm giữ số tiền 520.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 khẩu trang kẻ ca rô.

Theo như biên lai thu tiền số 0002720 vàbiên bản giao, nhận vật chứng ngày 03 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[11] Trong vụ án này: Anh V, cháu H3, cháu H4 cùng tham gia việc bắt giữ, dùng dây xích N vào cột trong sân nhà. Sau đó, bàn giao N cho Công an xã Đ giải quyết theo quy định. Vì vậy, hành vi của anh V, cháu H3, cháu H4 không cấu thành tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" quy định tại Điều 157 của Bộ luật Hình sự; anh V còn có hành động dùng chân đạp 02 nhát vào đầu bị can N, do N không bị thương tích và không có yêu cầu đề nghị gì nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với anh V, cháu H3, cháu H4 là phù hợp.

Căn cứ lời khai anh V và những người làm chứng, không có cơ sở để xác định việc anh V có hành vi yêu cầu gia đình N đưa 100.000.000 đồng thì sẽ thả N nên Cơ quan điều tra không xử lý.

[12] Đối với việc Công an phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng xử phạt bằng tiền đối với Bùi Văn N do đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định 167 ngày 12 tháng 11 năm 2013; tổng mức tiền phạt chung là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 03/QĐ-XPHC ngày 26 tháng 01 năm 2018 có trong hồ sơ vụ án này là không đúng quy định của pháp luật. Vì tại thời điểm tháng 01 năm 2018, Bùi Văn N vẫn đang có 02 tiền án về tội "Trộm cắp tài sản" chưa được xóa án tích. Tuy nhiên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng đã có văn bản số 385/KN-VKS-KT ngày 30 tháng 5 năm 2019 về việc "Kiến nghị áp dụng biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật" với nội dung yêu cầu xem xét việc ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự đối với hành vi nêu trên của Bùi Văn N. Do đó, việc xử lý về hình sự đối với Bùi Văn N về hành vi nêu trên được giải quyết bằng một vụ án khác, không ảnh hưởng đến việc xét xử bị cáo Bùi Văn N trong vụ án này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bùi Văn N 42 (bốn mươi hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 19 tháng 02 năm 2019.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động Nokia, 01 ví giả da màu đen, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Bùi Văn N và số tiền 520.000đ (năm trăm hai mươi nghìn đồng); tạm giữ số tiền 520.000đ (năm trăm hai mươi nghìn đồng) để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy 01 khẩu trang kẻ ca rô.

Theo như biên lai thu tiền số 0002720 và biên bản giao, nhận vật chứng ngày 03 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP. Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện K, HP;
- Công an huyện K + PV 06;
- THA phạt tù + PC 11;
- Chi cục THADS huyện + Sở TP;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Hoàng